

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HOÀ
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2022/DS-ST**
Ngày: 29-3-2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HOÀ, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2021/TLST-DS ngày 15/4/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-DS ngày 25/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 09/3/2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Văn A

Nơi cư trú: Tổ dân phố B1, phường T, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Phan Đăng K

Nơi cư trú: Tổ dân phố B2, phường T, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị Quý C

Nơi cư trú: Tổ dân phố B1, phường T, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bà Trần Thị H

Nơi cư trú: Tổ dân phố B2, phường T, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Văn A trình bày:** Ông là chủ cửa hàng sắt thép NA. Ngày 30/10/2019, ông K có đến cửa hàng của ông mua vật liệu xây dựng nhưng không trả tiền. Đến ngày 16/01/2020, hai bên có lập biên bản xác nhận công nợ, theo đó ông K còn nợ ông A số tiền 66.689.000đ (*Sáu mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi*

chín nghìn đồng). Đến nay mặc dù ông A đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông K trả số tiền này nhưng ông K vẫn chây ì, không hợp tác. Do đó nay ông A khởi kiện đề nghị vợ chồng ông K phải trả số tiền tạm tính đến ngày xét xử là 81.080.000 đồng, trong đó tiền gốc là 66.689.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 16/01/2020 đến nay là 14.391.000 đồng, yêu cầu trả 1 lần và tiếp tục tính lãi đến khi ông K, bà H hoàn thành số nợ trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Quý C thống nhất ý kiến của ông Trần Văn A và không có ý kiến bổ sung.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, bà Trần Thị H có yêu cầu đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có cung cấp lời khai thừa nhận có việc mua vật liệu xây dựng và còn nợ lại số tiền như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên không thừa nhận số tiền lãi do không có thỏa thuận.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không có yêu cầu kiến nghị gì.

- Về nội dung:

+ Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án có căn cứ cho rằng: Năm 2019 vợ chồng ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H có mua sắt thép ở cửa hàng vật liệu xây dựng NA của ông A, bà C nhằm mục đích xây dựng quán nhậu phát triển kinh tế gia đình và còn nợ số tiền 66.689.000 đồng. Tuy nhiên ông K, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng nguyên đơn. Do đó căn cứ các điều 430, 440 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về án phí: Ông K, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bị đơn Phan Đăng K đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với Hộ kinh doanh sắt thép NA, vì thế

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải đưa bà Phạm Thị Quý C là vợ của ông Trần Văn A tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bà C đã được Toà án công bố kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và nội dung hoà giải, bà C không có ý kiến gì và đồng ý tham gia tố tụng ngay mà không cần làm thủ tục mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải. Xét thấy đây là nguyện vọng hợp pháp của bà C nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Năm 2019, ông K có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng sắt thép NA do ông Trần Văn A làm chủ và còn nợ lại số tiền 66.689.000 đồng. Ông A đã nhiều lần yêu cầu ông K, bà H thanh toán số tiền trên, ông K hứa hẹn rồi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa nguyên đơn Trần Văn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông K, bà H trả số tiền còn nợ là 66.689.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/01/2020 đến nay là 14.391.000 đồng. Tổng cộng là 81.080.000 đồng. Tại Biên bản xác nhận công nợ ngày 16/01/2020 có chữ ký của ông A và ông K và tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2021, ông K thừa nhận việc mình còn nợ ông A số tiền mua vật liệu xây dựng là 66.689.000 đồng. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/02/2022, bà Trần Thị H cũng thừa nhận vợ chồng ông bà có mua sắt của cửa hàng ông A và còn nợ lại số tiền 66.689.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định vợ chồng ông K có mua vật liệu xây dựng và nợ tiền của ông A, bà C.

Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H đều thừa nhận bị đơn ông Phan Đăng K mua vật liệu xây dựng để kinh doanh quán ăn nhằm phát triển kinh tế cho gia đình, vì thế khi phát sinh tranh chấp, bà Trần Thị H cũng phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn ông Trần Văn A khởi kiện yêu cầu ông K và bà H có nghĩa vụ trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự: *“Nếu các bên không có thoả thuận về thời hạn giao tài sản và thời hạn thanh toán tiền thì bên mua phải thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản”*. Ông A và bà H đều khai việc mua bán diễn ra từ năm 2019, tuy nhiên đến ngày 16/01/2020 hai bên mới lập biên bản xác nhận công nợ. Do đó có căn cứ cho rằng ông K, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ năm 2019. Khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự cũng quy định: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*, vì thế việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền còn nợ lại là có căn cứ. Nguyên đơn có yêu cầu tính lãi từ ngày lập biên bản xác nhận công nợ 16/01/2020 là nguyện vọng của nguyên đơn và mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng) mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ ngày 16/01/2020 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử (29/3/2022) là 26 tháng 13 ngày, làm tròn là 26 tháng.

Tiền lãi được tính như sau: 66.689.000 đồng x 0.83%/tháng x 26 tháng = 14.391.000 đồng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận và bà Trần Thị H cũng có nghĩa vụ trả tiền vật liệu xây dựng còn nợ, vì thế ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định: 81.080.000 đồng x 5% = 4.054.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn A.

Ông Phan Đăng K và bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn A, bà Phạm Thị Quý C số tiền 81.080.000 đồng (*Tám mươi một triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phan Đăng K, bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.054.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn lại cho ông Trần Văn A 1.871.775đ (*Một triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003812 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã NH.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn A, bà Phạm Thị Quý C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Phan Đăng K, bà Trần Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thanh Huyền